

Bản án số: 11/2025/HNGĐ - ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ H;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn B và bà Hà Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Khánh L – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn M - Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa mở lại phiên tòa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST – HNGĐ, ngày 04/6/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST – HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST - HNGĐ ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vi Thị Nh – sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Chẽ Dài, xã Xuân Chinh, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038183008669, cấp ngày 25/8/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt);

2. Bị đơn: Lương Văn Tr – sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn Chẽ Dài, xã Xuân Chinh, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038081005956, cấp ngày 03/9/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2025 của chị Vi Thị Nh là nguyên đơn và bản tự khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Nguyên đơn Vi Thị Nh và bị đơn Lương Văn Tr kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, thật sự yêu thương nhau và không bị ai ép buộc được hai bên 2 gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lẻ,

huyện Thường Xuân(nay là xã Xuân Chinh, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 04/9/2008. Sau khi lấy nhau về, vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng tháng 05 năm 2020 thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm, suy nghĩ, cách sống của mỗi người là khác nhau, không thông cảm cho nhau nên không tìm thấy sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã được 2 bên gia đình nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 06 năm 2024 đến nay. Hiện nay chị Nh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Tại phiên tòa nguyên đơn Vi Thị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn Lương Văn Tr.

Về con cái: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung, tên cháu là Lương Thị Phương U — sinh ngày 11/03/2008, Lương Bảo Tr – sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lương Thiện M – sinh ngày 24/9/2017. Nay ly hôn, nguyên đơn Vi Thị Nh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi 02 cháu Bảo Tr và Thiện M, giao cho bị đơn Lương Văn Tr nuôi cháu Phương U. Nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ: Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2025 và biên bản hòa giải ngày 20/6/2025 và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lương Văn Tr trình bày:

Về hôn nhân: Bị đơn Lương Văn Tr thừa nhận từ khi lấy nhau đến nay, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó tình cảm vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, bản thân anh cũng đã cố gắng động viên khuyên nhủ nhưng chị Nh vẫn không thay đổi. Bản thân anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể hàn gắn được nên anh Tr không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Nh.

Về con cái: Bị đơn thừa nhận vợ chồng có 03 con chung như nguyên đơn trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh Tr đề nghị được nuôi cả 03 con, đề nghị chị Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: bị đơn Lương Văn Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày 12/6/2025. UBND xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân đã xác nhận: Vợ chồng anh Lương Văn Tr và chị Vi Thị Nh có hộ khẩu thường trú tại thôn Chẻ Dài, xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, vợ chồng anh Tr, chị Nh hiện nay đang sinh sống tại địa phương; Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng anh Lương Văn Tr và chị Vi Thị Nh như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được, thôn, xã cũng không được hòa giải mâu thuẫn tình cảm vợ chồng lần nào.

*Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót vi phạm gì; Về tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc ra bản án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51,56,57, 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, các Điều 271,273,278 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Vi Thị Nh; Về con cái: Giao các cháu Lương Bảo Tr và Lương Thiện M cho nguyên đơn Vi Thị Nh, giao cháu Lương Thị Phương U cho bị đơn Lương Văn Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi), nguyên đơn, bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con không ai được ngăn cản; Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và án phí định kỳ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Bị đơn phải chịu án cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Vi Thị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Lương Văn Tr. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Lương Văn Tr có nơi cư trú tại thôn Chẻ Dài, xã Xuân Chinh, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Nguyên đơn Vi Thị Nh và bị đơn Lương Văn Tr tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên không tìm thấy tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng; Năm 2023 chị Nh đã làm đơn đề Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Tr, nhưng vì thương con và được sự động viên của gia đình cũng như anh Tr hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Tr. Nay chị Nh xin ly hôn, anh Tr không đồng ý, vì anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể hàn gắn được. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về hôn nhân giữa nguyên đơn Vi Thị Nh và bị đơn Lương Văn Tr đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy nên chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Vi Thị Nh là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về con cái: Xét việc đề nghị yêu cầu nuôi con của chị Nh, anh Trường đều là nguyện vọng chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án giải quyết cho nuôi con; quá trình thu thập chứng cứ các cháu Lương Thị Phương U, Lương Bảo Tr và Lương Thiện M đều có bản ý kiến và nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên căn cứ vào điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con của cả nguyên đơn và bị đơn thì thấy rằng, cả nguyên đơn, bị đơn đều có thu nhập ổn định khoảng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ tháng, để đảm bảo các điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu về thể lực, trí lực, sinh hoạt và vui chơi, do các cháu Bảo Tr, Thiện M đang còn nhỏ, tâm sinh lý phát triển chưa hoàn thiện nên rất cần sự quan tâm, gần gũi chăm sóc từ người mẹ, cháu Phương U hiện nay đã gần đến tuổi trưởng thành nên giao cho bị đơn Lương Văn Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản, công nợ: Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, các Điều 271, 273, 278 và 280 BLTTDS 2015;

khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016.

1. Về hôn nhân:

Xử: Cho nguyên đơn Vi Thị Nh được ly hôn với bị đơn Lương Văn Tr.

2. Về con cái:

Giao các cháu Lương Bảo Tr – sinh ngày 20/01/2013 và cháu Lương Thiện M – sinh ngày 24/9/2017 cho nguyên đơn Vi Thị Nh; Giao cháu Lương Thị Phương U – sinh ngày 11/03/2008 cho bị đơn Lương Văn Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn Lương Văn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với các cháu Bảo Tr, Thiện M là 1.500.000đ/tháng/cháu, nguyên đơn Vi Thị Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với cháu Phương U là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2025 cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nguyên đơn, bị đơn được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí và các vấn đề khác: Nguyên đơn Vi Thị Nh phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự - HNGĐ sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí định kỳ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003770, ngày 04/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Vi Thị Nh còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung.

Bị đơn Lương Văn Tr phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí định kỳ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Những người này được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực 10 – Thanh Hóa;
- Văn phòng HĐND và UBND xã Xuân Chinh;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Sỹ H